

Số: *1407*/QĐ-UBND

Bình Hưng Hòa, ngày *07* tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Quý 1/2026 phường Bình Hưng Hòa.**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 1544/TTr-KTHTĐT ngày 07 tháng 4 năm 2026 về công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1/2026 phường Bình Hưng Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1/2026 phường Bình Hưng Hòa *(theo các biểu đính kèm)*

Hình thức công khai: Công bố trên trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân phường và niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa.

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội đăng thông tin công khai trên trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân phường. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh Tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường và các cơ quan, đơn vị thuộc phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Thành phố;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường: CT, PCT;
- UBMTTQVN phường;
- Công an, Quân sự;
- Văn phòng Đảng ủy phường;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trường học công lập thuộc phường;
- Lưu: VT, (Đào).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Đính kèm theo Quyết định số 14.07/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế 1 Quý	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	891.529	289.672	289.672	32%	
I	Thu nội địa	891.529	289.672	289.672	32%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	753.323	359.296	359.296	48%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	35.555	13.558	13.558	38%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	7.398	5.517	5.517	75%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	28.157	8.041	8.041	29%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	717.768	334.448	334.448	47%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	529.228	132.306	132.306	25%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	188.540	202.142	202.142	107%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		11.289	11.289		
C	TỔNG CHI NSDP	753.323	13.390	13.390	0	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	753.323	10.700	10.700	0	
1	Chi đầu tư phát triển	950	0	0	0	
2	Chi thường xuyên	730.379	84.415	84.415	0	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	21.994		0	0	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Đính kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 1 Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế 1 Quý	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (*)	891.529	289.672	289.672	32%	
I	Thu nội địa	891.529	289.672	289.672	32%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		17.634	17.634		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		13.323	13.323		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	470.329	165.231	165.231	35%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	194.370	52.160	52.160	27%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	131.190	23.449	23.449	18%	
	Tr đó: Lệ phí trước bạ	125.700	21.652	21.652	17%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	67.240	9.946	9.946	15%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.680	805	805	22%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.960			0%	
-	Thu tiền sử dụng đất	61.600	9.141	9.141	15%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		29	29		
14	Thu khác ngân sách	28.400	7.900	7.900	28%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	35.555	13.558	13.558	38%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	28.157	8.041	8.041	29%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	7.398	5.517	5.517	75%	

(*) Ghi chú: Tổng thu NSNN trên địa bàn đã bao gồm thu huy động, đóng góp

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

Mẫu biểu số 56.1

(Đính kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 1 Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế 1 Quý	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	753.323,0	84.415,1	84.415,1	11,2%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	753.323,0	84.415,1	84.415,1	11,2%	
I	Chi đầu tư phát triển	950,0			0,0%	
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	730.379,0	84.415,1	84.415,1	11,6%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	446.720,0	45.095,9	45.095,9	10,1%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	21.994,0				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					